

MÔ TẢ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN SỰ TUÂN THỦ ĐIỀU TRỊ CỦA NGƯỜI BỆNH SAU CAN THIỆP ĐẶT STENT MẠCH VÀNH TẠI TRUNG TÂM TIM MẠCH – BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HẢI DƯƠNG NĂM 2023

Nguyễn Thị Huyền Trang¹, Nguyễn Thị Tân¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả một số yếu tố liên quan đến sự tuân thủ điều trị của người bệnh sau can thiệp đặt stent mạch vành tại Trung tâm Tim mạch - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương năm 2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** mô tả cắt ngang, chọn mẫu thuận tiện. **Kết quả:** Có 71,65% bệnh nhân trên 60 tuổi, tỉ lệ nam:nữ xấp xỉ 2:1. Các yếu tố như tuổi, giới, trình độ học vấn và số lần đặt stent trong nghiên cứu của chúng tôi đều ảnh hưởng đến mức độ tuân thủ điều trị thuốc kháng kết tập tiểu cầu, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$; yếu tố "không bảo hiểm y tế" có liên quan với tuân thủ điều trị thuốc kháng KTTC có ý nghĩa thống kê với $OR = 5,78$ (khoảng tin cậy 95% 1,16-10,32). **Kết luận:** Có nhiều yếu tố liên quan đến sự tuân thủ điều trị của người bệnh sau can thiệp đặt stent mạch vành như tuổi, giới, trình độ học vấn, không bảo hiểm y tế.

Từ khóa: tuân thủ điều trị, stent mạch vành.

SUMMARY

DESCRIPTION OF SOME FACTORS RELATED TO THE COMPLIANCE WITH TREATMENT OF PATIENTS AFTER CORONARY STENT INTERVENTION AT THE CARDIOVASCULAR CENTER – HAI DUONG PROVINCE GENERAL HOSPITAL IN 2023

Objective: Describe some factors related to patient compliance with treatment after coronary stent intervention at the Cardiovascular Center of Hai Duong Provincial General Hospital in 2023. **Research subjects and methods:** cross-sectional description, convenience sampling. **Results:** 71.65% of patients were over 60 years old, the male:female ratio was approximately 2:1. Factors such as age, gender, education level and number of stent placements in our study all affect the level of adherence to antiplatelet therapy, the difference is statistically significant with $p < 0.05$; The factor "no health insurance" is associated with adherence to anti-KTTC drug treatment with statistical significance with $OR = 5.78$ (95% confidence interval 1.16-10.32). **Conclusion:** There are many factors related to patient compliance with treatment after coronary stent intervention such as age, gender, education level, and lack of health insurance.

Keywords: treatment adherence, coronary stent.

¹Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Huyền Trang

Email: huyettrang@hmtu.edu.vn

Ngày nhận bài: 5.6.2024

Ngày phản biện khoa học: 10.7.2024

Ngày duyệt bài: 15.8.2024

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh mạch vành (BMV) là tên gọi cho một số bệnh tim do mạch vành bị nghẽn bởi các mảng xơ vữa, dẫn đến tình trạng cơ tim bị thiếu dưỡng khí. Lưu lượng máu và oxy đến tim giảm gây ra các cơn đau thắt ngực, nhồi máu cơ tim và tổn thương vĩnh viễn ở tim. Bệnh mạch vành hiện là một gánh nặng cho sức khỏe cộng đồng ở các quốc gia đang phát triển trong đó có Việt Nam. Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) năm 2015, hàng năm ước tính có tới 17,5 triệu người trên thế giới tử vong do bệnh tim mạch, trong đó chủ yếu là các bệnh tim mạch do xơ vữa [1]. Tháng 12/2020 vừa qua, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã công bố 10 nguyên nhân gây tử vong hàng đầu thế giới theo số liệu thu thập được trong năm 2019. Theo đó, bệnh tim mạch vẫn là nguyên nhân gây tử vong lớn nhất trên thế giới với bệnh tim thiếu máu cục bộ chiếm khoảng 16%, bệnh đột quỵ chiếm khoảng 11% các ca tử vong trên toàn cầu...[2].

Theo sự tiến bộ của các kỹ thuật y học, hiện nay, ngoài phương pháp mổ mở bắc cầu chủ vành dưới sự hỗ trợ của hệ thống máy tuần hoàn ngoài cơ thể vẫn được thực hiện cho những ca có chỉ định thì phương pháp can thiệp mạch vành qua da, điều trị tái thông mạch vành bằng phương pháp đặt stent vẫn đang phổ biến, thường quy do các ưu điểm của phương pháp này mang lại.

Tuy nhiên, để thành công lâu dài cho phương pháp can thiệp mạch vành qua da, ngoài việc tiến hành thành công các kỹ thuật tái thông, đặt stent trong quá trình can thiệp của các bác sỹ thì việc tuân thủ điều trị sau can thiệp của người bệnh bao gồm: sự tuân thủ thuốc kháng kết tập tiểu cầu, thuốc rối loạn lipid máu, kiến thức, thái độ của người bệnh về chế độ dinh dưỡng, lối sống, tập luyện đúng cách, góp phần rất quan trọng trong việc hỗ trợ điều trị trước và sau can thiệp động mạch vành nhằm tránh hiện tượng tái hẹp trong lòng mạch, thậm chí tắc lại trong lòng stent đã đặt trong cơ thể người bệnh, với mục tiêu điều trị ban đầu nhằm giải quyết nguyên nhân bệnh, giảm triệu chứng, cải thiện chất lượng cuộc sống và phòng ngừa các biến cố tim mạch. Câu hỏi đặt ra là những yếu tố nào liên quan đến sự tuân thủ điều trị của người

bệnh? Vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: "Mô tả một số yếu tố liên quan đến sự tuân thủ điều trị của người bệnh sau can thiệp đặt stent mạch vành tại Trung tâm Tim mạch Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương năm 2023".

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Tất cả những người bệnh đã được can thiệp đặt stent mạch vành, đến tái khám tại Trung tâm Tim mạch Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương trong khoảng thời gian từ tháng 03/2023 đến tháng 09/2023.

2.1.1. Tiêu chuẩn lựa chọn

- Người bệnh > 18 tuổi.
- Người bệnh đã được tiến hành can thiệp đặt stent mạch vành - Đến tái khám và theo dõi tại Trung tâm Tim mạch - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương
- Có thời gian điều trị thuốc kháng kết tập tiểu cầu ngoại trú > 1 tháng trở lên tính đến thời điểm nghiên cứu.
- Người bệnh có đến tái khám trong khoảng thời gian thu thập số liệu của nghiên cứu (từ tháng 03/2023 đến tháng 09/2023)
- Đồng ý tham gia nghiên cứu

2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ

- Người bệnh không thể tham gia nghiên cứu do mắc các bệnh phối hợp về thần kinh hay trí nhớ khiến đối tượng trả lời không chính xác
- Không đến tái khám hoặc không liên lạc được.
- Không trả lời câu hỏi phỏng vấn được.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp nghiên cứu:** mô tả cắt ngang.
- **Phương pháp chọn mẫu:** chọn mẫu thuận tiện. Chọn tất cả các bệnh nhân có bệnh mạch vành đến tái khám tại Trung tâm Tim mạch Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương trong khoảng thời gian từ tháng 03/2023 đến tháng 09/2023 và đã được can thiệp đặt stent mạch vành trước đó, thoả mãn tiêu chuẩn lựa chọn và đồng thuận tham gia nghiên cứu được tiếp cận để phỏng vấn.

2.3. Xử lý số liệu. Nhập số liệu, quản lý và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0. Các phân tích mô tả được sử dụng phù hợp với các thông tin được phân tích.

2.4. Đạo đức nghiên cứu

- Đây là nghiên cứu quan sát, không can thiệp vào quyết định điều trị của bác sĩ lâm sàng, nên không vi phạm y đức.
- Nghiên cứu được tiến hành sau khi thông qua Hội đồng y đức Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương và Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương.
- Tên tuổi và các thông tin liên quan đến bệnh nhân được giữ bí mật cho mục đích nghiên cứu khoa học.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Tuổi		
< 60 tuổi	76	28,35
≥ 60 tuổi	192	71,65
Giới		
Nam	176	65,67
Nữ	92	34,33
Trình độ học vấn		
Tiểu học	59	22,01
Trung học cơ sở	67	25
Trung học phổ thông	43	16,04
Trung cấp	51	19,02
Cao đẳng – đại học	44	16,41
Sau đại học	4	1,52
Bệnh kèm theo		
Đái tháo đường	124	46,26
Tăng huyết áp	198	76,15

Nhận xét: Trong số 268 bệnh nhân nghiên cứu thì đa số là trên 60 tuổi (192 BN chiếm 71,65%); tỉ lệ nam:nữ xấp xỉ 2:1; có 141 bệnh nhân (52,61%) được chẩn đoán hội chứng mạch vành cấp, 127 bệnh nhân (47,39%) được chẩn đoán hội chứng mạch vành mạn; 100% bệnh nhân được stent thuốc; đa số bệnh nhân (67,8%) mắc bệnh tăng huyết áp (76,15%) hoặc đái tháo đường (46,26%) kèm theo.

3.2. Mô tả một số yếu tố liên quan đến sự tuân thủ điều trị của người bệnh sau can thiệp đặt stent mạch vành tại Trung tâm Tim mạch Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương

Bảng 3.2. Mối liên hệ giữa các yếu tố với mức độ tuân thủ

Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ tuân thủ			p	
	Tốt	Trung bình	Thấp		
Tuổi	≥ 60 tuổi	29(10,82%)	156(58,2%)	7(2,61%)	p < 0,05
	< 60 tuổi	41(15,3%)	20(7,46%)	15	
Giới	Nam	22(8,2%)	141(52,61%)	13(4,85%)	p < 0,05
	Nữ	48(17,91%)	35(13,06%)	9(3,36%)	
Trình độ	Tiểu học	31(11,57%)	45(16,79%)	0(0%)	p < 0,05

học vấn	Trung học cơ sở	13(4,85%)	51(19,03%)	3(1,12%)	
	Trung học phổ thông	16(5,97%)	248(95%)	3(1,12%)	
	Trung cấp	8(2,98%)	40(14,92%)	3(1,12%)	
	Cao đẳng – đại học	1(0,37%)	32(11,94%)	11(4,1%)	
	Sau đại học	1(0,37%)	1(0,37%)	2(0,74%)	
Số lần đặt stent	1 lần	18(6,71%)	145(54,1%)	17(6,34%)	p<0,05
	≥ 2 lần	52(19,4%)	31(11,57%)	5(1,86%)	

Nhận xét: Các yếu tố như tuổi, giới, trình độ học vấn và số lần đặt stent trong nghiên cứu của chúng tôi đều ảnh hưởng đến mức độ tuân thủ điều trị thuốc kháng KTTC, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Bảng 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc không tuân thủ điều trị

Yếu tố	Tuân thủ	Không tuân thủ	p
Không bảo hiểm y tế n(%)	5 (0.44%)	4 (1.49%)	0,03
Địa phương xa n(%)	103 (38.43%)	80 (29.85%)	0,23
Quên không uống thuốc n(%)	21 (7.83%)	10 (3.73%)	0,29
Một khi 301 ung thuốc n(%)	29(10.82%)	10(3.73%)	0,21
HC mạch vành cấp	112(41.79%)	29 (10.82%)	0,64

Nhận xét: Chúng tôi ghi nhận yếu tố “không bảo hiểm y tế” có liên quan với tuân thủ điều trị thuốc kháng KTTC có ý nghĩa thống kê với OR = 5,78 (khoảng tin cậy 95% 1,16-10,32).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Một số đặc điểm lâm sàng chung của các bệnh nhân. Nghiên cứu 268 bệnh nhân cho thấy nhóm bệnh nhân có độ tuổi trên 60 chiếm đa số 71,65%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Văn Bảo (2020) [3]. Tuổi càng cao các chức năng tim mạch càng bị suy giảm, ngoài ra tuổi cao còn có nguy cơ mắc nhiều bệnh lý mạn tính khác như đái tháo đường, tăng huyết áp, thừa cân, béo phì.

Tỉ lệ nam:nữ trong nghiên cứu xấp xỉ 2:1. Xu hướng bệnh gặp ở nam nhiều hơn ở nữ phù hợp với nhiều tác giả khác như Giang Trí Thanh [4], Nguyễn Đình Tuấn [5]. Theo nghiên cứu của chúng tôi, phần lớn người bệnh có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở xuống (60,06%) so với số người có bệnh có trình độ trên trung học phổ thông. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Giang Trí Thanh (2021) [4]. Mặc dù không phải lúc nào trình độ học vấn cũng ảnh hưởng trực tiếp đến tỉ lệ mắc bệnh, kết quả điều trị, nhưng trình độ học vấn ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức của người bệnh cũng như hành vi tự chăm sóc sức khỏe, tuân thủ điều trị.

Nghiên cứu về các bệnh lý đi kèm kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỉ lệ người bệnh tăng huyết áp là 76,15%, có đái tháo đường là 46,26%. Kết quả này cũng giống với kết quả nghiên cứu của Giang Trí Thanh với tỉ lệ lần lượt là 64,6% và 45,7% [4]. Việc mắc nhiều bệnh lý đi kèm thường liên quan đến việc phải sử dụng rất nhiều loại thuốc điều trị các bệnh lý khác nhau. Điều này có thể dẫn tới những tương

tác thuốc, giảm hiệu quả điều trị, hoặc cũng là yếu tố có thể gây khó khăn cho người bệnh, nhất là bệnh nhân phải can thiệp mạch vành cũng như ảnh hưởng không nhỏ đến việc tuân thủ điều trị của người bệnh.

4.2. Mô tả một số yếu tố liên quan đến sự tuân thủ điều trị của người bệnh sau can thiệp đặt stent mạch vành tại Trung tâm Tim mạch Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương. Có nhiều yếu tố liên quan đến thực trạng tuân thủ điều trị ở người bệnh. WHO đã mô tả vấn đề tuân thủ điều trị như một hiện tượng đa chiều, trong đó có sự tham gia tương tác của 5 yếu tố bao gồm: các yếu tố liên quan đến bản thân người bệnh, các yếu tố liên quan đến điều trị, các yếu tố kinh tế xã hội, các yếu tố về hệ thống, đội ngũ chăm sóc sức khỏe và các yếu tố liên quan đến bệnh tật.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tuổi, giới, trình độ học vấn của người bệnh với mức độ tuân thủ điều trị. Nhìn chung, bệnh nhân tuổi cao > 60 tuổi, nam giới và trình độ học vấn thấp thì tuân thủ kém hơn. Tuổi cao thường đi kèm với vấn đề suy giảm trí nhớ cũng như suy giảm chức năng nhận thức, ngoài ra người cao tuổi còn phải sử dụng nhiều loại thuốc hơn do mắc nhiều bệnh đi kèm.

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỉ lệ bệnh nhân nữ tuân thủ điều trị cao hơn nam giới. Sự khác biệt này có thể do nữ giới có xu hướng lo lắng về bệnh tật của mình hơn nên có xu hướng tuân thủ điều trị hơn nam giới. Tuy nhiên kết quả nghiên cứu của Jennifer Yu (2016) lại cho thấy tỉ lệ ngừng sử dụng thuốc do không tuân thủ điều trị ở nữ cao hơn nam giới [6]. Kết quả được giải thích có thể do tác dụng phụ của thuốc xuất hiện thường xuyên hơn ở nữ.

Nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa giữa tình trạng học vấn và tuân thủ điều trị. Người có trình độ cao hơn thường có nhận thức tốt hơn do vậy có thể tuân thủ điều trị tốt hơn. Kết quả đánh giá hệ thống về thực trạng tuân thủ liệu pháp kháng KTTTC kép sau khi đặt stent mạch vành tổng hợp thông qua 34 nghiên cứu liên quan khẳng định mối liên quan giữa trình độ học vấn với thực trạng tuân thủ điều trị thuốc ở người bệnh sau đặt stent mạch vành. Kết quả này cũng tương đồng với Nguyễn Thị Thanh Tâm (2018) [7].

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có mối liên quan giữa số lần đặt stent với mức độ tuân thủ điều trị. Tỷ lệ số người đặt 1 lần tuân thủ cao hơn so với những người đặt từ 2 lần trở lên. Điều này có thể do liên quan với các tác dụng không mong muốn của thuốc.

Chúng tôi ghi nhận có liên quan việc không BHYT với việc tuân thủ điều trị. Các yếu tố còn lại không ghi nhận sự khác biệt. Có lẽ do chi phí điều trị nội trú và ngoại trú của bệnh cao so với thu nhập của người dân nên không có BHYT ảnh hưởng lớn đến tuân thủ điều trị của người bệnh.

V. KẾT LUẬN

Trong số các bệnh nhân nghiên cứu, 71,65% bệnh nhân trên 60 tuổi, tỉ lệ nam:nữ xấp xỉ 2:1. Các yếu tố như tuổi, giới, trình độ học vấn và số lần đặt stent trong nghiên cứu của chúng tôi đều ảnh hưởng đến mức độ tuân thủ điều trị thuốc kháng kết tập tiểu cầu, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$; yếu tố "không bảo hiểm y

tế" có liên quan với tuân thủ điều trị thuốc kháng kết tập tiểu cầu có ý nghĩa thống kê với $OR = 5,78$ (khoảng tin cậy 95% 1,16-10,32).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. P. Balakumar, K.Maung-U, G.Jagadeesh (2016). Prevalence and prevention of cardiovascular disease and diabetes mellitus. Pharmacological Research. Volume 113, Part A, November 2016, Pages 600-609.
2. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/the-top-10-causes-of-death>
3. Nguyễn Văn Bảo (2020). Tuân thủ điều trị thuốc kháng kết tập tiểu cầu của người bệnh sau can thiệp mạch vành có đặt stent và một số yếu tố ảnh hưởng tại Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long năm 2020. Luận văn thạc sĩ Quản lý bệnh viện. Đại học Y Hà Nội.
4. Giang Trí Thanh (2021). Thực trạng tuân thủ điều trị thuốc kháng kết tập tiểu cầu ở người bệnh sau can thiệp đặt stent mạch vành tại bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Times City. Luận văn thạc sĩ y học, Đại học Y Hà Nội.
5. Nguyễn Đình Tuấn (2020). Đặc điểm tổn thương đường tiêu hóa trên theo phân loại Lanza ở bệnh nhân sử dụng thuốc chống ngưng tập tiểu cầu sau can thiệp động mạch vành và các yếu tố liên quan. Luận văn thạc sĩ Y học, Đại học Y Hà Nội.
6. Yu Jennifer BU, Mastoris 1, et al. Sex – Based Differences in Cessation of Dual – Antiplatelet Therapy Following Percutaneous Coronary Intervention with Stents. JACC Cardiovasc Intery. 2016; 9(14): 1461-1469.
7. Nguyễn Thị Thanh Tâm. Một số yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị của người bệnh sau can thiệp động mạch vành qua da tại tỉnh Hải Dương năm 2018. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, 2018; 1(3): 16-19

TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG CỦA NGƯỜI BỆNH ĐIỀU TRỊ TẠI KHOA NỘI BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG ĐA NĂM 2018

Nguyễn Thị Thủy¹, Khúc Hồng Anh²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến tình trạng dinh dưỡng của người bệnh điều trị tại khoa Nội bệnh viện Đa khoa Đồng Đa năm 2018. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Người bệnh điều trị tại khoa Nội bệnh viện Đa khoa Đồng Đa, cỡ mẫu là 394. **Kết quả:** Tỷ lệ người bệnh có nguy cơ mắc SDD là 57,1% và không có nguy cơ SDD là 42,9%. Người bệnh mắc

bệnh đường tiêu hóa có nguy cơ SDD cao hơn nhóm người bệnh được chẩn đoán mắc bệnh hệ tuần hoàn, hô hấp và tiết niệu. **Kết luận:** Người bệnh là nữ, >65 tuổi, trình độ học vấn dưới THPT, và albumin giảm có nguy cơ SDD cao hơn những đối tượng nghiên cứu là nam giới, nhóm tuổi ≤ 65 , có trình độ học vấn từ THPT trở lên và mức albumin bình thường.

Từ khóa: dinh dưỡng, albumin, người bệnh, người cao tuổi.

SUMMARY

NUTRITIONAL STATUS OF PATIENTS TREATMENT AT THE DEPARTMENT OF INTERNAL CARE OF DONG DA GENERAL HOSPITAL

Objective: Assess the nutritional status and learn some factors related to the nutritional status of patients treated at the Internal Medicine Department

¹Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội

²Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Thủy

Email: thuythaonguyenum@gmail.com

Ngày nhận bài: 4.6.2024

Ngày phản biện khoa học: 10.7.2024

Ngày duyệt bài: 16.8.2024